

NỘI DUNG

Báo cáo của Tổng Giám đốc

Báo cáo của Ban Giám đốc

Báo cáo của Ban Kiểm soát

Báo cáo của Ban Quản lý

Báo cáo của Ban Tài chính

Báo cáo của Ban Nhân sự

Báo cáo của Ban Marketing

Báo cáo của Ban Pháp chế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH HÀ NỘI - HẠ LONG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 17
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 16
Phụ lục 01: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Hà Nội - Hạ Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Hà Nội - Hạ Long được thành lập theo Hợp đồng hợp tác liên doanh số 288 HĐHTLD ngày 17/9/2004 giữa Công ty Du lịch Hà Nội và Công ty Du lịch Quảng Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5700542455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 15/06/2005, thay đổi lần thứ 08 ngày 03/12/2018.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Toàn	Chủ tịch
Ông Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Minh Chung	Phó Chủ tịch

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Thành	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Lê Minh Thành



Số: 310325.136/BCTC.QN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch Hà Nội - Hạ Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Hà Nội - Hạ Long được lập ngày 31 tháng 03 năm 2025, từ trang 5 đến trang 17, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hà Nội - Hạ Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



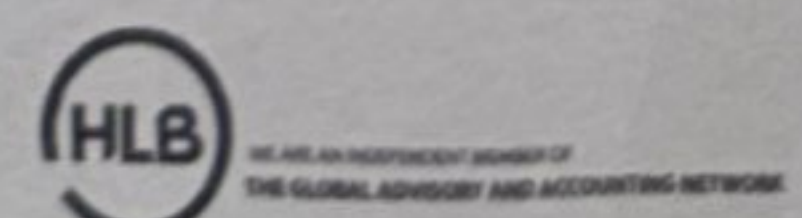
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Hà

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1643-2023-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		40.229.023.957	51.503.759.027
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	22.909.179.375	25.276.609.611
111 1. Tiền		2.267.179.375	2.276.609.611
112 2. Các khoản tương đương tiền		20.642.000.000	23.000.000.000
120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.000.000.000	15.000.000.000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	5.000.000.000	15.000.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		10.158.781.770	9.212.978.026
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	8.200.000	8.200.000
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.099.472.693	4.087.867.528
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	6.059.309.077	5.125.110.498
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.200.000)	(8.200.000)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		2.161.062.812	2.014.171.390
152 1. Thuế GTGT được khấu trừ		2.161.062.812	1.405.643.913
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	608.527.477
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		59.070.276.111	47.641.181.300
210 I. Các khoản phải thu dài hạn		11.511.220.000	11.504.220.000
216 1. Phải thu dài hạn khác	7	11.511.220.000	11.504.220.000
220 II. Tài sản cố định		756.414.658	1.011.153.749
221 1. Tài sản cố định hữu hình	10	345.237.905	458.856.996
222 - Nguyên giá		1.449.349.371	1.908.542.733
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(1.104.111.466)	(1.449.685.737)
227 2. Tài sản cố định vô hình	11	411.176.753	552.296.753
228 - Nguyên giá		2.822.400.000	2.822.400.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(2.411.223.247)	(2.270.103.247)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn		46.802.641.453	35.123.536.719
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9	46.802.641.453	35.123.536.719
260 VI. Tài sản dài hạn khác		-	2.270.832
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	12	-	2.270.832
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		99.299.300.068	99.144.940.327

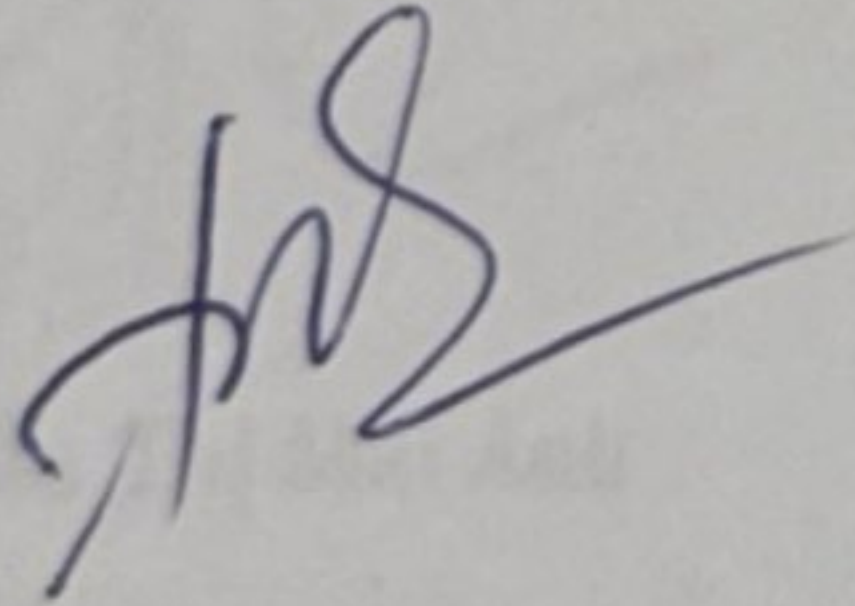
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

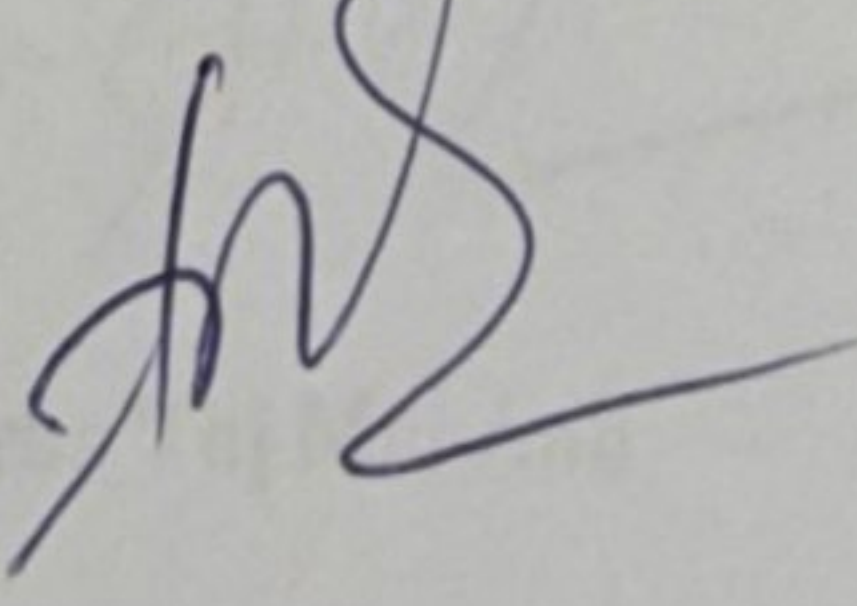
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		335.660.462	623.848.419
310	I. Nợ ngắn hạn		335.660.462	623.848.419
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		45.653.904	20.520.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	128.476.335	441.540.504
314	3. Phải trả người lao động		161.530.223	161.787.915
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		98.963.639.606	98.521.091.908
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	98.963.639.606	98.521.091.908
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(1.036.360.394)	(1.478.908.092)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(1.478.908.092)	(3.159.654.626)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		442.547.698	1.680.746.534
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		99.299.300.068	99.144.940.327

Người lập biểu



Trần Thị Mai Anh

Kế toán trưởng



Trần Thị Mai Anh

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lê Minh Thành

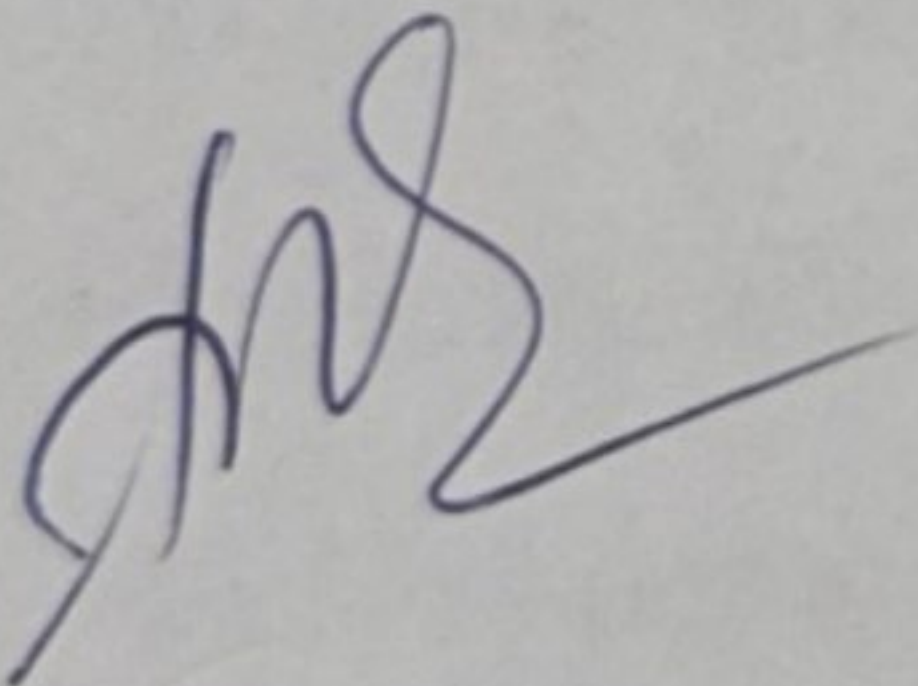
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	16	1.826.834.367	3.738.850.712
26	2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		1.185.508.979	1.635.040.389
30	3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		641.325.388	2.103.810.323
32	4. Chi phí khác	17	88.078.070	-
40	5. Lợi nhuận khác		(88.078.070)	-
50	6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		553.247.318	2.103.810.323
51	7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	18	110.699.620	423.063.789
60	8. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		442.547.698	1.680.746.534

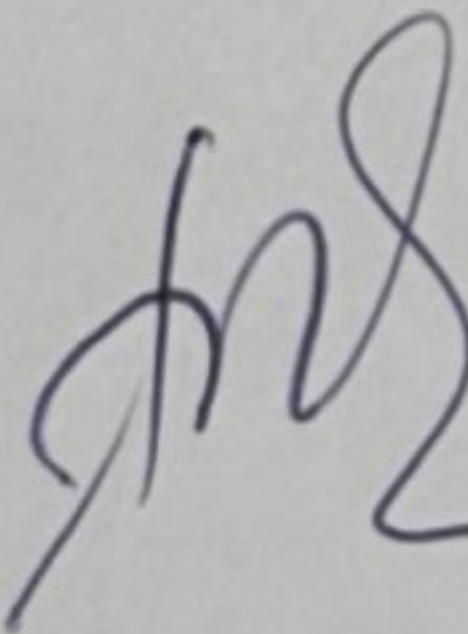
Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu



Trần Thị Mai Anh

Kế toán trưởng



Trần Thị Mai Anh

Tổng Giám đốc



Lê Minh Thành



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
02	1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(847.406.347)	(990.296.950)
03	2. Tiền chi trả cho người lao động		(471.711.908)	(977.408.804)
05	3. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(423.063.789)	(197.917.922)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		30.365.668	11.612.325.234
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.340.806.723)	(949.125.268)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.052.623.099)	8.497.576.290
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(11.070.577.257)	(4.918.979.349)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(5.000.000.000)	(15.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		15.000.000.000	30.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.755.770.120	3.737.178.784
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		685.192.863	13.818.199.435
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.367.430.236)	22.315.775.725
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		25.276.609.611	2.960.833.886
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	22.909.179.375	25.276.609.611

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025

Tổng Giám đốc

Trần Thị Mai Anh

Trần Thị Mai Anh

Lê Minh Thành



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Hà Nội - Hạ Long được thành lập theo Hợp đồng hợp tác liên doanh số 288 HĐHTLD ngày 17/9/2004 giữa Công ty Du lịch Hà Nội và Công ty Du lịch Quảng Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5700542455 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 15/06/2005, thay đổi lần thứ 08 ngày 03/12/2018.

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng Việt Nam).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 7 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 7 người).

Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, cơ sở lưu trú khác.
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo Hợp đồng không thường xuyên với khách hàng.
- Đại lý du lịch, điều hành tua du lịch.
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
- Dịch vụ phục vụ đồ uống, ăn uống khác.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc/Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi.
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định.
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 38 năm
- Máy móc, thiết bị	12 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- Quyền sử dụng đất	20 năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ và vật tư giá trị lớn bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Giá trị công cụ, dụng cụ và vật tư giá trị lớn được phân bổ phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 06 tháng đến 24 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 13 tháng đến 24 tháng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.12 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn.

Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	9.023.683	8.102.438
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.258.155.692	2.268.507.173
Các khoản tương đương tiền (*)	20.642.000.000	23.000.000.000
	22.909.179.375	25.276.609.611

(*) Tại ngày 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 20.642.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long với lãi suất từ 1,5%/năm đến 4,4%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	5.000.000.000	-	15.000.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	-	15.000.000.000	-
	5.000.000.000	-	15.000.000.000	-

Công ty có 01 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở: Kỳ hạn 6 tháng có giá trị 5.000.000.000 VND, lãi suất 5,6%/năm.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGÂN HẠN			
	31/12/2024	01/01/2024	
	Gia trị	Gia trị	Dự phòng
	VND	VND	VND
- Các khoản phải thu khách hàng lẻ	8.200.000	8.200.000	(8.200.000)
	(8.200.000)	8.200.000	(8.200.000)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN			
	31/12/2024	01/01/2024	
	Gia trị	Gia trị	Dự phòng
	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Đông Hải	3.300.000.000	3.300.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Quân	-	557.197.325	-
- Melia Hotels International, S.A	576.957.290	-	-
- Các nhà cung cấp khác	222.515.403	230.670.203	-
	4.099.472.693	4.087.867.528	-

7 . PHẢI THU KHÁC			
	31/12/2024	01/01/2024	
	Gia trị	Gia trị	Dự phòng
	VND	VND	VND
a) Ngân hàng	5.988.244.830	5.114.744.830	-
- Tạm ứng	71.064.247	10.365.668	-
- Dự thu lãi tiền gửi	-	-	-
b) Đại hàn	11.511.220.000	11.504.220.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	-
	11.511.220.000	11.504.220.000	-

8 . NỢ XẤU			
	31/12/2024	01/01/2024	
	Gia gốc	Gia gốc	Gia trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND
- Các khoản phải thu khách hàng lẻ	8.200.000	8.200.000	-
	8.200.000	8.200.000	-

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công trình khách sạn 5 sao tại phường Bãi Cháy	46.802.641.453	35.123.536.719
	<u>46.802.641.453</u>	<u>35.123.536.719</u>

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	551.894.928	985.320.000	371.327.805	1.908.542.733
- Thanh lý, nhượng bán	(261.685.557)	-	(197.507.805)	(459.193.362)
Số dư cuối năm	<u>290.209.371</u>	<u>985.320.000</u>	<u>173.820.000</u>	<u>1.449.349.371</u>
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	397.147.602	681.210.330	371.327.805	1.449.685.737
- Khấu hao trong năm	12.248.400	66.688.004	-	78.936.404
- Thanh lý, nhượng bán	(227.002.870)	-	(197.507.805)	(424.510.675)
Số dư cuối năm	<u>182.393.132</u>	<u>747.898.334</u>	<u>173.820.000</u>	<u>1.104.111.466</u>
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	154.747.326	304.109.670	-	458.856.996
Tại ngày cuối năm	<u>107.816.239</u>	<u>237.421.666</u>	<u>-</u>	<u>345.237.905</u>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 173.820.000 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất có thời hạn, nguyên giá là 2.822.400.000 VND. Công ty thực hiện trích khấu hao trong 20 năm. Hao mòn lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là 2.411.223.247 VND. Trong đó, khấu hao trong năm 2024 là 141.120.000 VND. Giá trị còn lại đến thời điểm 31/12/2024 là 411.176.753 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Công cụ dụng cụ phân bổ	-	2.270.832
	<u>-</u>	<u>2.270.832</u>

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(Xem chi tiết tại Phụ lục 01)

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	(3.159.654.626)	96.840.345.374
Lãi trong năm trước	-	1.680.746.534	1.680.746.534
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	(1.478.908.092)	98.521.091.908
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	(1.478.908.092)	98.521.091.908
Lãi trong năm nay	-	442.547.698	442.547.698
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	(1.036.360.394)	98.963.639.606

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	29.000.000.000	29.00	29.000.000.000	29.00
Công ty TNHH Đông Hải	40.770.000.000	40.77	40.770.000.000	40.77
Công ty TNHH Hà Nội - Hạ Long	30.230.000.000	30.23	30.230.000.000	30.23
	100.000.000.000	100.00	100.000.000.000	100.00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 36/HĐ-TĐ ngày 13/3/2020 với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh để sử dụng với mục đích xây dựng khu khách sạn 5 sao tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 09/5/2013 đến ngày 09/5/2063. Diện tích khu đất thuê là 12.336,1 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

16 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.826.834.367	3.738.850.712
	<u>1.826.834.367</u>	<u>3.738.850.712</u>

17 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế đất phi nông nghiệp năm 2022	250.783	-
Chi phí thanh lý tài sản	19.100.000	-
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	34.682.687	-
Thuế nhà thầu nước ngoài	34.044.600	-
	<u>88.078.070</u>	<u>-</u>

18 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	553.247.318	2.103.810.323
Các khoản điều chỉnh tăng	250.783	11.508.622
- Chi phí không hợp lệ	250.783	11.508.622
Thu nhập chịu thuế TNDN	553.498.101	2.115.318.945
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	<u>110.699.620</u>	<u>423.063.789</u>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	420.025.504	194.879.637
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(423.063.789)	(197.917.922)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>107.661.335</u>	<u>420.025.504</u>

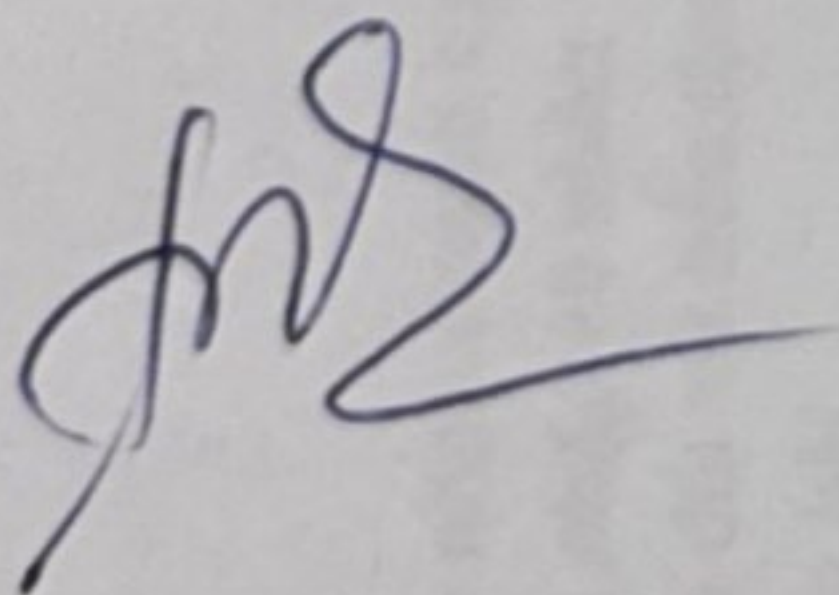
19 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

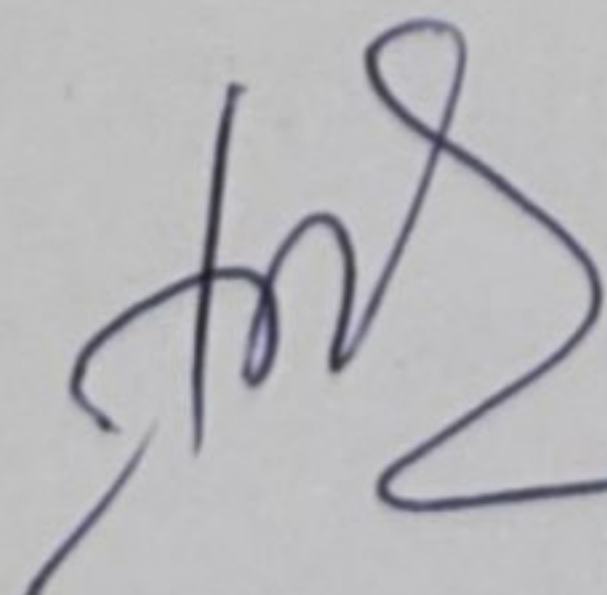
20 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại Quảng Ninh kiểm toán.

Người lập biểu


Trần Thị Mai Anh

Kế toán trưởng


Trần Thị Mai Anh

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 03 năm 2025


Tổng Giám đốc

Lê Minh Thành

PHỤ LỤC 01: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	420.025.504	110.699.620	423.063.789	-	107.661.335
- Thuế thu nhập cá nhân	-	21.515.000	63.160.000	63.860.000	-	20.815.000
- Thuế nhà đất và tiền thuế đất	608.527.477	-	2.087.638.203	1.479.110.726	-	-
- Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
- Thuế nhà thầu	-	-	69.881.476	69.881.476	-	-
	608.527.477	441.540.504	2.334.379.299	2.038.915.991	-	128.476.335

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

